

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17 tháng 6 năm 2020

Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Xuân Dệt

Bà Trần Thị Thúy Lợi

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Sứ - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc *ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Bích P, sinh năm 1995 (Có mặt).

Địa chỉ: 69 Lữ G, tổ 3, phường Yên T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Trần Quang H, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: 69 Lữ G, tổ 3, phường Yên T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Nơi làm việc: 135 Hà Huy T, phường Yên T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2020, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Trương Thị Bích P trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trần Quang H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và đi đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Yên T, thành phố P, tỉnh Gia Lai năm 2016. Tôi cảm thấy vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, anh H thường nói những câu lăng mạ ảnh hưởng đến nhân phẩm, danh dự của tôi và đập phá đồ đạc, có khi đánh tôi. Nguyên nhân do anh H ghen tuông vô cớ, ít quan tâm đến vợ con. Nay tôi nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã kéo dài và thực sự trầm trọng, tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải

quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Quang H, tôi không thể đoàn tụ gia đình với anh H được nữa.

* Về con chung: Tôi và anh Trần Quang H có một con chung cháu Trần Quang K, sinh ngày 16-10-2016. Ly hôn tôi xin được nuôi con và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ khi ly hôn.

* Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tiền án phí tôi tự nguyện chịu toàn bộ.

Tại bản tự khai, lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Quang H trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Trương Thị Bích P qua tìm hiểu tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Yên T, thành phố P, tỉnh Gia Lai năm 2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau có hạnh phúc. Thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng có nhiều quan điểm không đồng thuận về lối sống nên vợ chồng có mâu thuẫn với nhau dẫn đến việc chị Phương yêu cầu ly hôn. Tôi không muốn ly hôn để con cái phải mất tình thương của cha mẹ nên cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm, tôi đề nghị chị P suy nghĩ để vợ chồng đoàn tụ.

* Về con chung: Tôi và chị P có một con chung cháu Trần Quang K, sinh ngày 16-10-2016. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị P nuôi con tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ khi ly hôn.

* Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, đầy đủ, toàn diện, trong mối liên hệ giữa các tài liệu, chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Chị Trương Thị Bích P và anh Trần Quang H tự do đăng ký kết hôn vào năm 2016, tại Ủy ban nhân dân phường Yên T, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau. Quan hệ giữa chị P và anh H được đăng ký theo đúng trình tự, thủ tục và đúng cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm những trường hợp cấm kết hôn nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Nay chị P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Về yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi đăng ký kết hôn và về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, hai vợ chồng không chung quan điểm sống. Anh H muốn vợ chồng được đoàn tụ nhưng cũng xác định vợ

chồng có nhiều mâu thuẫn chưa hàn gắn được, chị P khẳng định không còn tình cảm gì với anh H, không thể hàn gắn vợ chồng được nữa, không thể duy trì quan hệ hôn nhân. Kết quả xác minh tại địa phương không biết mâu thuẫn của hai vợ chồng, tại phiên tòa hai bên đều khai có những mâu thuẫn vợ chồng về lối sống, kinh tế không thống nhất được. Vì vậy có cơ sở xác định vợ chồng không còn tình cảm từ hai phía, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho chị P ly hôn với anh H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị P và anh H có 1 con chung là cháu Trần Quang K, sinh ngày 16/10/2016. Cả chị P và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con chung. HĐXX xét thấy đây vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ khi ly hôn, là nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của vợ, chồng, nhưng căn cứ quyền lợi mọi mặt và đảm bảo con được chăm sóc, giáo dục, phát triển tốt nhất cả về thể chất và trí tuệ, con mới được hơn 3 tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nhiều hơn, phù hợp với thực tế con vẫn do chị P nuôi dưỡng, chăm sóc; nên HĐXX xét thấy cần thiết giao cháu K cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị P yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, anh H chấp nhận cấp dưỡng nên cần buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phương.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị Bích P và anh Trần Quang H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và không đề cập đến trong phần quyết định.

[6] Về tiền án phí: Chị Trương Thị Bích P tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

[7] Tại phiên tòa hôm nay đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo các thủ tục, trình tự tố tụng mà pháp luật quy định về việc thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, có đủ cơ sở để giải quyết vụ án. Đối với các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị P được ly hôn với anh H. Giao cháu K cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ và buộc chị P phải chịu án phí ly hôn, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 24, 26, Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Bích P.

1.Về hôn nhân: Cho chị Trương Thị Bích P được ly hôn với anh Trần Quang H.

2.Về con chung:

Chị Trương Thị Bích P và anh Trần Quang H có một con chung là cháu Trần Quang K, sinh ngày 16/10/2016.

Giao cháu K cho chị Trương Thị Bích P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho P để nuôi cháu K mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ ngày 17/6/2020 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

3. Về tiền án phí:

Chị Trương Thị Bích P tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004717, ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị P đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Buộc anh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sung quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.P;
- Các đương sự;
- THA DS TP.P (Để thi hành);
- UBND phường Yên T, thành phố P,
Tỉnh Gia Lai (34, ngày 18/3/2016);
- Lưu.

Hoàng Văn Tiến